

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tập 25 (Số đặc biệt 1)

Tháng 02/2025



ISSN 2354-0753

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH Ở MỘT SỐ TRƯỜNG MẦM NON QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Thanh Thảo¹,
Nguyễn Thị Ngọc Bé^{2,+}

¹Trường Mầm non Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

²Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

+Tác giả liên hệ • Email: ntngocbe@hueuni.edu.vn

Article history

Received: 21/11/2024

Accepted: 14/12/2024

Published: 28/02/2025

Keywords

Teachers, educational
activities, injury prevention,
preschool children,
kindergarten

ABSTRACT

Child injuries are one of the leading causes of death and lifelong disability for children. Therefore, education on injury prevention for children needs to be implemented effectively. The article analyzes the current status of education on injury prevention for preschool children in kindergartens in Binh Tan district, Ho Chi Minh City, based on the approach of the components of the educational process. The survey results show that most managers and teachers assess that the survey contents are conducted quite regularly and the results achieved are at a good level; in which, the goal of education on injury prevention for preschool children has the highest level of implementation, followed by the forces participating in educational activities and daily assessment. In contrast, the support conditions have the lowest level of response. Regarding implementation results, the assessment by stage has the highest implementation results; on the contrary, the content and form of organization of education on injury prevention for preschool children are assessed the lowest. The research results will be an important practical basis for proposing measures to improve the effectiveness of accident prevention education activities for preschool children in preschools in the area.

1. Mở đầu

Tai nạn thương tích (TNTT) ở trẻ em là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong và di chứng tàn tật suốt đời cho trẻ. Mặc dù nhiều biện pháp giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích (PTTNTT) cho trẻ em đã và đang được thực hiện, nhưng tình hình trẻ nhập viện vì TNTT vẫn chưa giảm. Phần lớn các trường hợp TNTT trẻ em xảy ra là do sự bất cẩn của người lớn. Tại Việt Nam, thống kê của Cục Quản lý môi trường cho thấy, mỗi năm trung bình có hơn 370.000 trẻ bị TNTT, trong đó nhóm 15-19 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất, chiếm 43%, tiếp đến nhóm tuổi 5-14 chiếm 36,9%, thấp nhất là nhóm tuổi 0-4 chiếm 19,5%. Số trẻ em tử vong do TNTT là 6.600 trường hợp/năm chiếm tỉ lệ 35,5%. Phần lớn các trường hợp TNTT ở trẻ xảy ra là do sự bất cẩn và thiếu hiểu biết của người lớn. Tại một số cơ sở giáo dục mầm non, TNTT của trẻ chủ yếu do trẻ bị sặc cháo hoặc hóc dị vật, TNTT do điều kiện cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi ngoài trời chưa đảm bảo (Bộ Y tế, 2024). Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho thấy, kỹ năng giáo dục PTTNTT cho trẻ của cha mẹ và người chăm sóc còn hạn chế. Theo nghiên cứu của Vũ Mạnh Độ và cộng sự (2020) đối với 120 người chăm sóc chính cho trẻ dưới 5 tuổi tại nhà ở phường Lộc Hòa - TP. Nam Định năm 2019 cho thấy, thực trạng kiến thức, thực hành PTTNTT cho trẻ của họ chưa tốt. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thuý và Lê Thị Xuân Mai (2024) cho thấy ở khu vực thành thị, kỹ năng phòng ngừa TNTT của trẻ 5-6 tuổi cao hơn ở khu vực nông thôn. Có sự khác biệt đáng kể về giáo dục kỹ năng phòng ngừa TNTT ở hai khu vực này.

Trước tình hình báo động về TNTT ở trẻ em, Chính phủ đã áp dụng nhiều chính sách và hoạt động thiết thực để giảm thiểu các TNTT ở trẻ em. Các chính sách quan trọng bao gồm: Chính sách quốc gia về phòng, chống TNTT giai đoạn 2002-2010 (Thủ tướng Chính phủ, 2001); Quy định của Bộ Y tế (2006) về triển khai cộng đồng an toàn trên toàn quốc (Bộ Y tế, 2006). Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 1408 ngày 01/9/2009 đề tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em (Thủ tướng Chính phủ, 2009). Thông tư số 13/2010/TT-BGD-ĐT quy định về trường học an toàn và phòng ngừa TNTT (Bộ GD-ĐT, 2010); Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT về việc hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống TNTT trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (Bộ GD-ĐT, 2023), thông qua đó, Bộ GD-ĐT yêu cầu xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, không bạo lực và tiếp tục triển khai các kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng giao tiếp và ứng xử cho trẻ em trong nhà trường.

Phòng GD-ĐT quận Tân Bình cũng đã có một số văn bản chỉ đạo PTTNTT: Công văn số 614/GDĐT-MN về đảm bảo an toàn và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non (Phòng GD-ĐT quận Bình Tân, 2020); Công văn số 2293/GDĐT-YT về tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm (Phòng GD-ĐT quận Bình Tân, 2022).

Thực hiện các chỉ đạo từ Bộ, sở ban ngành, các trường mầm non trên quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh đã quán triệt thực hiện hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ và quản lý hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ và đạt được những kết quả tích cực. Bên cạnh đó, hoạt động này vẫn còn tồn tại những hạn chế do trẻ còn nhỏ, rất hiếu động, hay đùa nghịch, chưa có kỹ năng, kinh nghiệm PTTNTT cho bản thân, nhận thức về kỹ năng PTTNTT cho trẻ của một số phụ huynh còn hạn chế, kỹ năng phòng tránh và xử lý TNTT cho trẻ của GV đôi khi còn chưa linh hoạt và GV chưa được trải nghiệm kỹ năng xử lý các TNTT thông thường, chưa được tập huấn một cách có hệ thống các kỹ năng cơ bản, nhân viên y tế là GV kiêm nhiệm chưa có kinh nghiệm thực tế về chăm sóc sức khỏe và kỹ năng xử lý các trường hợp TNTT tại trường. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh là cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo, giúp phòng tránh những nguy cơ TNTT đe dọa đến tính mạng và sức khỏe của trẻ em trong quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát chung về khảo sát

Khách thể khảo sát: Nghiên cứu tiến hành khảo sát 29 CBQL (gồm 7 hiệu trưởng, 22 phó hiệu trưởng) và 260 GV ở 10 trường mầm non quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh (Trường Mầm non Tân Tạo, Trường Mầm non Đỗ Quyên, Trường Mầm non Mai Vàng, Trường Mầm non Thiên Tuế, Trường Mầm non Bình Trị Đông B, Trường Mầm non Tân Tạo A, Trường Mầm non Hoa Đào, Trường Mầm non Hồng Ngọc, Trường Mầm non Ánh Mai, Trường Mầm non 30/4).

Thời gian khảo sát: Từ tháng 4 đến tháng 7/2024.

Phương pháp khảo sát: Phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5, cụ thể ở mức độ thực hiện: 1= Không thực hiện; 2 = Hiếm khi; 3 = Thỉnh thoảng; 4 = Khá thường xuyên; 5 = Rất thường xuyên; Đối với kết quả thực hiện: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt. Mức đánh giá theo khoảng điểm: 1,00-1,80: Không thực hiện/Kém/Hoàn toàn chưa đáp ứng; 1,81-2,60: Hiếm khi/Yếu/Chưa đáp ứng; 2,61-3,40: Thỉnh thoảng/Trung bình/Đáp ứng ở mức trung bình; 3,41-4,20: Khá thường xuyên/Khá/Đáp ứng khá tốt; 4,21-5,00: Rất thường xuyên/Tốt/Đáp ứng rất tốt.

Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 25. Các thông số thống kê được sử dụng trong nghiên cứu gồm: điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC).

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về việc thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo

TT	Mục tiêu hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Giúp trẻ nhận biết các tình huống, hành vi nguy hiểm có thể dẫn đến TNTT như tai nạn giao thông, ngã, bỏng, điện giật, ngộ độc, ghen.	4,14	0,75	4,03	0,90
2	Cung cấp kiến thức về nguyên nhân và hậu quả của các loại TNTT phổ biến.	3,73	1,02	3,98	0,69
3	Trang bị kiến thức về các biện pháp PTTNTT trong trường mầm non và ngoài môi trường gia đình.	4,15	0,73	3,72	0,98
4	Rèn luyện kỹ năng quan sát, nhận biết nguy cơ tai nạn trong các tình huống cụ thể.	3,91	0,85	3,99	0,75
5	Hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân trước các nguy cơ tai nạn như đi đứng an toàn, sử dụng an toàn các đồ vật, dụng cụ...	4,08	0,84	3,97	0,73
6	Trang bị kỹ năng xử lý ban đầu khi gặp tình huống tai nạn, kỹ năng sơ cứu đơn giản.	3,65	1,18	3,86	0,82
7	Hình thành ý thức cảnh giác, tích cực chủ động PTTNTT.	3,77	1,10	3,63	1,03
8	Xây dựng thái độ nghiêm túc chấp hành các nguyên tắc, quy định về an toàn.	4,07	0,88	3,92	0,78
	ĐTB chung	3,94	0,92	3,89	0,84

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, các trường mầm non ở quận Bình Tân đã triển khai tương đối tốt việc thực hiện các mục tiêu giáo dục PTTNTT. Hầu hết các mục tiêu đều thực hiện khá thường xuyên và kết quả ở mức khá. Xét về mức độ thực hiện, mục tiêu “Trang bị kiến thức về các biện pháp PTTNTT trong trường mầm non và ngoài môi trường gia đình” đạt điểm cao nhất, cho thấy các trường đã chú trọng cung cấp kiến thức phòng tránh tai nạn cho trẻ. Tuy nhiên, kết quả thực hiện mục tiêu này thấp hơn so với mức độ thực hiện, mặc dù các trường đã tập trung giảng dạy, nhưng việc áp dụng vào thực tế vẫn còn một khoảng cách cần cải thiện. Ngược lại, mục tiêu “Trang bị kỹ năng xử lý ban đầu khi gặp tình huống tai nạn, kỹ năng sơ cứu đơn giản” có mức độ thực hiện thấp nhất nhưng kết quả đạt được lại khá cao, sự chênh lệch này chỉ ra rằng, mặc dù việc giảng dạy kỹ năng này chưa được đầy mạnh, nhưng khi được học, trẻ đã thể hiện được khả năng xử lý tình huống tốt. Một số mục tiêu khác như “Giúp trẻ nhận biết các tình huống, hành vi nguy hiểm”, “Hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân” hay “Xây dựng thái độ nghiêm túc chấp hành các nguyên tắc an toàn” đều đạt kết quả khá tương đồng giữa mức độ và kết quả thực hiện, dao động quanh mức 4 điểm. Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng hoạt động giáo dục PTTNTT ở các trường mầm non quận Bình Tân đã được triển khai tương đối toàn diện và đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn cần có những giải pháp đồng bộ hơn để nâng cao chất lượng thực hiện các mục tiêu, đặc biệt là thu hẹp khoảng cách giữa mức độ và kết quả thực hiện ở một số mục tiêu. Bên cạnh đó, cần có sự chỉ đạo thống nhất từ các cấp quản lý để hạn chế tình trạng thực hiện không đồng đều giữa các trường.

2.2.2. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về thực hiện nội dung hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo

TT	Nội dung hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phòng tránh thất lạc	3,94	0,79	4,03	0,81
2	Phòng tránh đi vật đường thờ	3,89	0,70	3,79	0,77
3	Phòng tránh đuối nước	3,92	0,75	3,73	0,78
4	Phòng tránh cháy bỏng	3,86	0,85	3,82	0,87
5	Phòng tránh ngộ độc	3,91	0,77	3,78	0,83
6	Phòng tránh điện giật	3,88	0,77	3,75	0,89
7	Phòng tránh vết thương do vật sắc nhọn	3,90	0,88	3,87	0,77
8	Phòng tránh tai nạn giao thông	4,05	0,84	3,95	0,76
9	Phòng tránh động vật cắn	3,89	0,80	3,95	0,71
10	Phòng tránh bị đánh	3,87	0,84	3,73	0,79
11	Phòng tránh trượt ngã	4,05	0,86	3,83	0,80
ĐTB chung		3,92	0,80	3,84	0,80

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, các nội dung hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo được thực hiện khá thường xuyên và kết quả đạt được ở mức độ khá. Cụ thể, hai nội dung có mức độ thực hiện cao nhất là “Phòng tránh tai nạn giao thông” và “Phòng tránh trượt ngã”. Đây là những nội dung quan trọng trong giáo dục an toàn cho trẻ, đặc biệt trong môi trường mầm non, nơi mà các tình huống tai nạn giao thông và trượt ngã rất dễ xảy ra đã được triển khai hiệu quả. Nội dung “Phòng tránh cháy bỏng” là một hoạt động cũng rất quan trọng, đặc biệt là trong môi trường có nhiều nguy cơ cháy nổ như trường học hoặc nhà ở nhà - được các trường thực hiện với mức ĐTB thấp nhất, tuy vậy kết quả thực hiện khá hơn, ở vị trí thứ 6. Một phần lý do có thể là hoạt động này yêu cầu điều kiện thực tế và phải có sự chuẩn bị kỹ càng, bao gồm cả việc giảng dạy lý thuyết và thực hành các tình huống cháy nổ một cách an toàn nên trường mầm non có thể gặp khó khăn trong việc tổ chức các bài học về phòng tránh cháy nổ vì thiếu điều kiện, cơ sở vật chất (như thiết bị phòng cháy chữa cháy hoặc khu vực thực hành an toàn). Thêm vào đó, trẻ em ở độ tuổi mầm non có thể chưa đủ khả năng nhận thức và hiểu rõ những mối nguy hiểm từ cháy nổ, khiến việc giảng dạy các kỹ năng phòng tránh cháy bỏng gặp phải nhiều thách thức. Về kết quả thực hiện, nội dung “Phòng tránh thất lạc” có kết quả cao nhất, cho thấy đây là một hoạt động giáo dục rất hiệu quả và mang lại kết quả rõ rệt. Việc phòng tránh thất lạc rất quan trọng đối với trẻ mầm non, khi mà các em chưa có đủ khả năng nhận thức và định hướng môi trường xung quanh. Đặc biệt, trẻ trong độ tuổi này rất dễ bị lạc trong những nơi đông người hoặc khi đi tham quan ngoài trời. Tuy nhiên, “Phòng tránh bị đánh” và “Phòng tránh đuối nước” lại có ĐTB thấp nhất, phản ánh kết quả thực hiện chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Nguyên nhân có thể đến từ việc đây là những vấn đề khá nhạy cảm và đôi khi khó áp dụng trực tiếp trong môi trường giáo dục mầm non. Việc giáo dục về “Phòng tránh bị đánh” có thể gặp khó

khăn vì vấn đề bạo lực không phải lúc nào cũng dễ dàng thảo luận hoặc mô phỏng trong lớp học. Hơn nữa, tình huống bị đánh thương không xảy ra trong môi trường học tập hàng ngày, khiến cho trẻ khó có cơ hội thực hành và trải nghiệm. Do đó, việc giáo dục về phòng tránh bị đánh có thể không được chú trọng như các nội dung khác, dẫn đến kết quả thực hiện không cao. Còn với “Phòng tránh đuối nước”, dù đây là một mối nguy hiểm lớn đối với trẻ em, nhưng việc giảng dạy kỹ năng này trong môi trường mầm non cũng gặp phải nhiều hạn chế, như thiếu điều kiện thực hành trực tiếp trong môi trường nước an toàn, hoặc các trường mầm non không có đầy đủ cơ sở vật chất để tổ chức các buổi học về kỹ năng phòng chống đuối nước cho trẻ.

2.2.3 Thực trạng thực hiện hình thức hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về thực hiện hình thức hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo

TT	Hình thức tổ chức giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Tổ chức hoạt động có chủ định của GV và theo ý thích của trẻ	3,99	0,80	3,86	0,85
2	Tổ chức lễ, hội	3,50	0,75	3,75	0,87
3	Tổ chức hoạt động trong lớp	4,05	0,85	3,74	0,97
4	Tổ chức hoạt động ngoài trời	3,85	0,82	3,66	0,91
5	Tổ chức hoạt động cá nhân	3,73	0,96	3,95	0,94
6	Tổ chức hoạt động theo nhóm	3,66	0,96	3,86	0,87
7	Tổ chức hoạt động cả lớp	4,15	1,00	4,07	0,92
ĐTB chung		3,85	0,88	3,84	0,90

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy các trường mầm non đã vận dụng khá đa dạng các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục PTTNTT. Trong đó, hình thức tổ chức hoạt động cả lớp có mức độ thực hiện cao nhất, tương ứng với kết quả thực hiện ở mức cao nhất. Điều này cho thấy các trường đã tận dụng tốt ưu thế của việc tổ chức các hoạt động tập thể để truyền tải kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho trẻ. Hình thức tổ chức hoạt động trong lớp cũng được thực hiện phổ biến với mức độ cao, tuy kết quả đạt được chưa thực sự tương xứng. Điều này gợi ý cần có những điều chỉnh, cải tiến để nâng cao hiệu quả của hình thức hoạt động này. Các hình thức tổ chức hoạt động ngoài trời, theo nhóm và cá nhân có mức độ thực hiện thấp hơn. Tuy nhiên, kết quả thực hiện lại khá tích cực, đặc biệt là hoạt động cá nhân. Hình thức tổ chức lễ, hội có mức độ thực hiện thấp nhất nhưng kết quả đạt được khá cao, điều này có thể do nhà trường chỉ chọn các lễ hội lớn để tổ chức cho trẻ nên mức độ thực hiện thấp hơn so với các hình thức khác, nhưng kết quả đạt được cho thấy đây là một hình thức tổ chức có thể hình thành được kỹ năng PTTNTT khá tốt cho trẻ mẫu giáo. Điều này cho thấy tiềm năng của việc đa dạng hóa hình thức hoạt động, tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, rèn luyện trong các bối cảnh khác nhau. Tóm lại, có thể thấy rằng các trường mầm non đã vận dụng tương đối hiệu quả các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục PTTNTT. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục, cần tiếp tục đa dạng hóa và cân đối giữa các hình thức hoạt động, đặc biệt chú trọng tăng cường các hoạt động ngoài lớp học, theo nhóm và cá nhân. Đồng thời, cần có giải pháp thu hẹp khoảng cách về mức độ và kết quả thực hiện giữa các trường.

2.2.4. Thực trạng thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo

TT	Phương pháp giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi	3,93	0,78	3,73	0,88
2	Phương pháp dùng trò chơi	4,20	0,77	3,94	0,90
3	Phương pháp nêu tình huống có vấn đề	3,86	0,80	3,75	0,79
4	Phương pháp luyện tập	3,85	0,78	3,77	0,76
5	Phương pháp trực quan, minh họa	3,82	0,75	3,95	0,89
6	Phương pháp dùng lời nói	4,06	0,82	4,14	0,89
7	Phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ	3,71	0,74	3,90	0,88
8	Phương pháp nêu gương, đánh giá	3,73	0,75	3,82	0,91
ĐTB chung		3,90	0,77	3,88	0,86

Kết quả khảo sát cho thấy các trường mầm non đã vận dụng đa dạng các phương pháp giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo. ĐTB của tất cả các phương pháp đều ở mức khá thường xuyên và khá cả về mức độ thực hiện và kết quả thực hiện. Cụ thể, phương pháp dùng trò chơi có ĐTB cao nhất về mức độ thực hiện, đồng thời cũng đạt kết quả khá cao. Điều này cho thấy các trường đã tận dụng tốt đặc trưng ham chơi của lứa tuổi mầm non để truyền tải kiến thức và kỹ năng phòng tránh tai nạn một cách sinh động, hấp dẫn. Tiếp đến là Phương pháp dùng lời nói cũng được sử dụng phổ biến với mức độ thực hiện khá thường xuyên. Đáng chú ý, đây là phương pháp duy nhất có kết quả thực hiện cao nhất. Điều này cho thấy tác động tích cực của việc sử dụng lời nói, giải thích, nhắc nhở thường xuyên trong giáo dục phòng tránh tai nạn cho trẻ. Các phương pháp khác như thực hành thao tác với đồ vật, nêu tình huống có vấn đề, luyện tập,... có mức độ thực hiện khá thường xuyên, tương ứng với kết quả khá. Mặc dù chưa thực sự nổi bật, song việc vận dụng đa dạng các phương pháp này góp phần tạo sự phong phú, linh hoạt trong các hoạt động giáo dục. Đáng lưu ý, phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ có ĐTB thấp nhất về mức độ thực hiện song lại đạt kết quả khá cao. Điều này gợi mở việc cần đẩy mạnh hơn nữa phương pháp tác động vào tình cảm để khuyến khích, động viên trẻ hình thành hành vi an toàn.

2.2.5. Thực trạng các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo

TT	Các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhà trường (Ban Giám hiệu)	3,89	0,82	3,72	1,04
2	GV và nhân viên trường	4,34	0,84	4,23	1,00
3	Cha mẹ trẻ	4,10	0,85	4,27	1,02
4	Chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội (Trung tâm y tế, Trung tâm giáo dục kỹ năng sống, lực lượng công an, Đoàn Thanh niên...)	3,40	0,94	3,30	1,01
ĐTB chung		3,93	0,86	3,88	1,01

Kết quả khảo sát cho thấy sự tham gia của các lực lượng trong giáo dục PTTNTT ở các trường mầm non quận Bình Tân nhìn chung là tích cực, tuy nhiên mức độ tham gia và kết quả thực hiện giữa các lực lượng còn có sự chênh lệch. Cụ thể, GV và nhân viên trường là lực lượng tham gia thường xuyên nhất và kết quả thực hiện tốt. Điều này cho thấy vai trò then chốt của đội ngũ GV trong việc trực tiếp tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện kỹ năng cho trẻ. Sự tham gia của cha mẹ trẻ cũng rất đáng ghi nhận với mức độ thực hiện khá cao và kết quả thực hiện cao nhất. Đây là một tín hiệu tích cực, thể hiện sự quan tâm và hợp tác chặt chẽ của phụ huynh trong việc giáo dục con em mình. Ban Giám hiệu nhà trường có mức độ tham gia khá cao tuy nhiên kết quả thực hiện chưa thực sự cao. Điều này cho thấy cần có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao hơn từ lãnh đạo nhà trường để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục PTTNTT. Đáng chú ý, sự tham gia của chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội còn khá hạn chế với mức độ thực hiện thấp nhất và kết quả thực hiện cũng thấp nhất. Điều này đòi hỏi cần có sự vào cuộc mạnh mẽ hơn của các lực lượng này, tạo sự kết nối và hỗ trợ cho nhà trường trong công tác giáo dục PTTNTT. Nhìn chung, có thể kết luận rằng sự tham gia của các lực lượng trong giáo dục PTTNTT ở các trường mầm non quận Bình Tân đã có những kết quả tích cực. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả giáo dục, cần tiếp tục đẩy mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Đặc biệt, cần có sự quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn từ phía chính quyền và các tổ chức xã hội.

2.2.6. Thực trạng các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV về điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo

TT	Các điều kiện hỗ trợ	Mức độ đáp ứng	
		ĐTB	ĐLC
1	Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ 4-5 tuổi.	3,97	0,71
2	Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục PTTNTT cho trẻ 4-5 tuổi.	3,90	0,70
3	Tài chính hỗ trợ hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ 4-5 tuổi.	3,88	0,68
4	Thời gian tổ chức hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ 4-5 tuổi.	3,55	0,79
ĐTB chung		3,83	0,72

Dựa trên kết quả khảo sát ở bảng 6 cho thấy, đánh giá của CBQL và GV về các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân ở mức đáp ứng. Trong đó, cơ sở vật chất như trường, lớp học, khu vui chơi, trang thiết bị dạy học và sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong

hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo nhận được sự ghi nhận tích cực. Bên cạnh đó, ngân sách tài chính cũng là một yếu tố được đánh giá đảm bảo. Tuy nhiên, đây vẫn là điều kiện cần tiếp tục được quan tâm đầu tư để đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường trong tương lai. Thời gian tổ chức hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo mặc dù đạt điểm thấp nhất nhưng vẫn ở mức đáp ứng. Trong những năm gần đây, quận Bình Tân đã đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất các trường mầm non, xây dựng một số trường đạt chuẩn quốc gia. Tại các trường đạt chuẩn quốc gia, các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục nói chung và hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo được trang bị mới, hiện đại, đảm bảo hỗ trợ tốt cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên ở một số trường, điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ chỉ ở mức độ đảm bảo cơ bản; một số thiết bị giáo dục đã qua thời gian sử dụng không còn mới và lạc hậu. Để có thể tăng cường các điều kiện hỗ trợ, lãnh đạo nhà trường cần có biện pháp vừa thuyết phục cơ quan quản lý đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước vừa vận động được nguồn xã hội hóa.

2.2.7. Thực trạng việc đánh giá kết quả giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích của trẻ mẫu giáo

Bảng 7. Đánh giá của CBQL và GV về việc đánh giá kết quả giáo dục PTTNTT của trẻ mẫu giáo

TT	Đánh giá kết quả giáo dục PTTNTT của trẻ mẫu giáo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
I	Đánh giá hằng ngày				
1.1	Quan sát	3,88	0,75	3,65	0,85
1.2	Trò chuyện, giao tiếp với trẻ	3,84	0,82	3,96	0,98
1.3	Sử dụng tình huống	4,36	0,83	4,18	1,00
1.4	Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ	3,79	0,81	3,85	0,80
1.5	Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ	3,78	0,75	3,73	0,87
	ĐTB chung	3,93	0,79	3,87	0,90
II	Đánh giá theo giai đoạn				
1.1	Quan sát	3,81	0,90	3,74	0,78
1.2	Trò chuyện với trẻ	3,79	0,83	3,72	0,77
1.3	Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ	3,58	0,95	3,74	1,14
1.4	Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm	4,24	0,94	4,24	0,89
1.5	Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ	4,17	0,99	4,04	0,84
	ĐTB chung	3,92	0,92	3,90	0,88

Kết quả khảo sát về thực trạng thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục PTTNTT cho trẻ ở các trường mầm non quận Bình Tân cho thấy, nhìn chung các hình thức đánh giá đều được thực hiện ở mức độ khá thường xuyên và mức độ thực hiện ở mức khá. Xét về mức độ thực hiện, hình thức đánh giá được sử dụng nhiều nhất là “Sử dụng tình huống”; tiếp theo là “Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm” ở mức đánh giá theo giai đoạn. Điều này cho thấy GV đã chú trọng đến việc đưa ra các tình huống cụ thể, gần gũi với thực tế để kiểm tra, đánh giá khả năng ứng phó của trẻ trước các nguy cơ TNTT. Các hình thức đánh giá khác như quan sát, trò chuyện, giao tiếp với trẻ, phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ, và trao đổi với cha mẹ/người chăm sóc trẻ cũng được thực hiện ở mức độ tương đối cao. Những hình thức này tạo ra cơ hội để GV đánh giá trực tiếp sự tiếp thu và phát triển của trẻ trong các tình huống thực tế; giúp nắm bắt được phản ứng và sự hiểu biết của trẻ một cách chính xác, đồng thời tạo điều kiện để có sự phản hồi kịp thời và điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp. Việc trao đổi với phụ huynh cũng giúp đảm bảo sự liên kết và đồng bộ giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục. Về kết quả thực hiện, “Sử dụng tình huống” và “Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm” đạt ĐTB cao nhất, phản ánh sự hiệu quả của các phương pháp này trong việc giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách trực quan và sinh động. Việc sử dụng tình huống thực tế hoặc bài tập/trắc nghiệm không chỉ giúp trẻ dễ dàng nhận diện và xử lý các tình huống tai nạn mà còn kích thích sự tư duy, phản xạ nhanh chóng, từ đó nâng cao khả năng ứng phó trong thực tế. Các phương pháp này giúp trẻ học hỏi và rèn luyện kỹ năng một cách chủ động, hiệu quả, đồng thời tạo sự hứng thú trong quá trình học tập. Các hình thức đánh giá còn lại có kết quả khá. Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng việc đánh giá kết quả giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân đã đạt được những kết quả tích cực, đặc biệt là trong việc vận dụng các tình huống thực tế vào quá trình đánh giá. Tuy nhiên, vẫn cần có sự thống nhất và chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong việc sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh cho thấy, hầu hết CBQL và GV đánh giá các nội dung khảo sát được thực hiện từ mức khá thường xuyên đến khá và kết quả đạt được từ mức khá. Trong 7 thành tố được khảo sát, Mục tiêu hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo có mức độ thực hiện cao nhất, tiếp đến là các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục và đánh giá hằng ngày. Ngược lại các điều kiện hỗ trợ mức độ đáp ứng thấp nhất. Về kết quả thực hiện, đánh giá theo giai đoạn có kết quả thực hiện cao nhất, ngược lại, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ mẫu giáo được đánh giá thấp nhất. Để nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục PTTNTT cho trẻ, các trường cần chú trọng xây dựng nội dung giáo dục mang tính đồng tâm, phù hợp với độ tuổi và đặc điểm tâm - sinh lí của trẻ; đẩy mạnh việc bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động PTTNTT cho trẻ; chú trọng đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; tăng cường phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ và các tổ chức xã hội, đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục phục vụ cho việc tổ chức hoạt động giáo dục, đồng thời đổi mới đánh giá kết quả giáo dục PTTNTT của trẻ theo tiếp cận năng lực của trẻ.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2010). *Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.*
- Bộ GD-ĐT (2023). *Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26/10/2023 hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.*
- Bộ Y tế (2006). *Quyết định số 170/2006/QĐ-BYT ngày 17/01/2006 về việc ban hành hướng dẫn xây dựng Cộng đồng an toàn phòng chống tai nạn thương tích.*
- Bộ Y tế (2024). *Tai nạn thương tích rình rập trẻ em trong dịp hè: Hậu quả nặng nề.* https://moh.gov.vn/web/phong-chong-tai-nan-thuong-tich/tin-noi-bat/asset_publisher/iinMRn208ZoI/content/tai-nan-thuong-tich-rinh-rap-tre-em-trong-dip-he-hau-qua-nang-ne
- Nguyễn Thị Thuý, Lê Thị Xuân Mai (2024). Giáo dục kỹ năng phòng tránh tai nạn, thương tích cho trẻ 5-6 tuổi: Sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị. *Tạp chí Giáo dục*, 24(số đặc biệt 10), 204-209.
- Phòng GD-ĐT quận Bình Tân (2020). *Công văn số 614/GDĐT-MN ngày 23/4/2020 về Đảm bảo an toàn và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non.*
- Phòng GD-ĐT quận Bình Tân (2022). *Công văn số 2293/GDĐT-YT ngày 06/12/2022 về tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.*
- Thủ tướng Chính phủ (2001). *Quyết định số 197/2001/QĐ-TTg ngày 27/12/2001 về việc phê duyệt Chính sách quốc gia phòng, chống tai nạn, thương tích giai đoạn 2002-2010.*
- Thủ tướng Chính phủ (2009). *Chỉ thị số 1408/CT-TTG ngày 01/9/2009 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.*
- Vũ Mạnh Độ, Trần Văn Long, Vũ Thị Thuý Mai, Phan Văn Hợp, Mai Anh Đào (2020). Kiến thức và thực hành phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ dưới 5 tuổi của người chăm sóc chính tại phường Lộc Hòa - thành phố Nam Định năm 2019. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 3(5), 16-23.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

ISSN 2354-0753

Mục lục

Tập 25 (số đặc biệt 1) - 02/2025

Trương Minh Khải - Phan Đức Duy - Phạm Đình Văn: Một số vấn đề lý luận về dạy học phân hóa theo phong cách học tập: Tiếp cận mô hình của Honey và Mumford 1

Trần Trung - Trương Văn Thọ: Khai thác công cụ Research Rabbit trong nghiên cứu khoa học giáo dục 7

Nguyễn Thị Thoại Mỹ - Phạm Thanh Hùng: Một số biện pháp tổ chức hoạt động ghép từ vật liệu thiên nhiên nhằm phát triển kỹ năng quan sát cho trẻ mẫu giáo 14

Trần Thanh Bình - Trần Thị Hồng Thêm: Một số vấn đề lý luận về dạy học kiến tạo và đề xuất sử dụng quy trình dạy học kiến tạo theo mô hình 5E ở tiểu học 19

Phạm Thành Đạt - Trần Thị Tú Uyên: Hướng dẫn thiết kế trò chơi với lập trình Scratch trong tổ chức hoạt động trải nghiệm chủ đề “Bảo vệ môi trường” ở tiểu học 25

Lê Tấn Lộc: Tổng quan các nghiên cứu về quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục 31

Cao Thị Thủy Diễm - Bùi Văn Hồng - Võ Cao Long: Tổng quan một số nghiên cứu về hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở 37

Nguyễn Thanh Nga - Lê Châu Đạt - Nguyễn Quốc Thuận: Đề xuất quy trình thiết kế và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật ở trường trung học phổ thông nhằm bồi dưỡng năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh 43

Nguyễn Văn Đệ - Hồ Văn Thống - Trần Thanh Bình: Nghiên cứu tổng quan về dạy học tích hợp và quản lý hoạt động dạy học tích hợp ở trường phổ thông 50

Phương Thị Hệ: Giáo dục văn hóa cho học sinh phổ thông ở Việt Nam trong bối cảnh giao thoa văn hóa qua mạng xã hội: Thách thức và đề xuất biện pháp 56

Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Nguyễn Võ Anh - Nguyễn Linh Phong: Tổng quan về tích hợp trí tuệ nhân tạo trong dạy học ở trường phổ thông: Tiềm năng và thách thức 60

Nguyễn Ngọc Trang - Trương Thị Hoa: Nghiên cứu về tư duy thiết kế trong giáo dục STEM trên cơ sở dữ liệu Scopus ở trường trung học phổ thông giai đoạn 2015-2024 67

Trần Thị Tuyết Mai: Tổng quan nghiên cứu trên thế giới về đam mê nghề nghiệp của giáo viên 73

Lương Phúc Đức - Trần Thị Tú Uyên: Quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học 78

Tăng Đình Thanh - Nguyễn Như Ngọc - Bùi Việt Hoàng: Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thông qua đội ngũ giáo viên cốt cán ở trường phổ thông 84

Lê Tấn Cường: Vận dụng lý thuyết vòng tròn vàng trong tổng quan các chiến lược quốc tế hoá đại học phổ biến trên thế giới và một số khuyến nghị 89

Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương - Trương Hoàng Hân: Tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản giai đoạn trước khi đọc bằng trò chơi Bingo 96

Bùi Minh Châu - Phạm Kiều Anh: Lựa chọn một số phần mềm nhằm xây dựng hồ sơ học tập trong dạy học đọc hiểu văn bản 102

Trần Thị Ngọc Hiếu: Đề xuất một số biện pháp tổ chức hoạt động dạy đọc mở rộng cho học sinh lớp 4 108

Nguyễn Thành Ngọc Bảo: Tích hợp hình thức đánh giá thường xuyên vào hoạt động dạy viết văn bản: Nghiên cứu tại cấp trung học cơ sở 114

Phạm Kiều Anh - Nguyễn Văn Tuyên: Dạy học đọc hiểu truyền trình thám ở lớp 9: Một số nguyên tắc và kỹ thuật dạy học 120

Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương - Trương Hoàng Hân: Ứng dụng ChatGPT vào xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học đọc hiểu văn bản “Đất rừng Phương Nam” (Ngữ văn 10 - bộ Chân trời sáng tạo) 126

Võ Hoài Nhựt - Ngô Gia Hân - Ngô Lê Hồng Như - Nguyễn Thành Ngọc Bảo: Thiết kế website cung cấp văn bản văn học nhằm hỗ trợ giáo viên lựa chọn ngữ liệu trong kiểm tra kỹ năng đọc lớp 11 132

Phan Quan Thông: Tuyển chọn và sử dụng văn bản đọc mở rộng trong dạy học chuyên đề “Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại và hậu hiện đại”: Trường hợp truyện ngắn Việt Nam sau 1975 về đề tài chiến tranh 139

Dương Thị Linh, Bùi Văn Hồng, Kiều Nguyễn Thiên Phúc, Nguyễn Minh Nhật, Ngô Phương Hiền: Thiết kế trò chơi học tập trong dạy học môn Toán lớp 1 theo định hướng giáo dục STEM 146

Lâm Tiến - Lê Chân Đức - Lê Thị Hoàng Thủy - Nguyễn Thị Phương Như - Nguyễn Đoàn Thực Nghi - Hồ Võ Như Hoa: Hiệu quả của học liệu tương tác trong dạy học một số nội dung thuộc chủ đề “Các số đến 10 000” môn Toán lớp 3 theo mô hình lớp học đảo ngược 153

Nguyễn Thị Thủy: Dạy học nội dung “Diện tích hình thang” (Toán 5) nhằm phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh 159

Hồ Dương Khánh Vy - Hồ Quốc Thanh - Trần Quang Vinh - Vũ Lỗ Hương Giang: Dạy học giải bài tập toán nội dung “Hệ thức lượng trong tam giác” (Toán 10) thông qua tranh luận khoa học nhằm phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh 164

La Đức Minh - Đoàn Thị Hằng - Bùi Thị Thanh Tâm - Nguyễn Thị Chi: Thiết kế tình huống dạy học tích hợp trong môn Toán: Trường hợp dạy học “Phương trình lượng giác cơ bản” (Toán 11) 170

Trần Thị Ngọc Ánh - Đỗ Lan Nhi: Quy trình và công cụ đánh giá năng lực hợp tác của học sinh trong dạy học dự án “Động lực học” (Vật lý 10) 175

Lê Khắc Quỳnh: Dạy học chủ đề “Nguồn điện” (Vật lý 11) theo hướng tích hợp gắn với giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh 181

Võ Đoàn Yến Nhi - Phạm Đình Văn: Thiết kế thí nghiệm ảo bằng ngôn ngữ lập trình Scratch trong dạy học chủ đề “Cảm ứng ở thực vật” (Sinh học 11) 187

Nguyễn Phan Hoàng Anh: Sử dụng mô phỏng PhET thông qua việc vận dụng mô hình GEM trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 193

Đặng Thị Thuý Dương - Nguyễn Văn Ninh - Trần Ngọc Thín - Nguyễn Thị Thái Bình - Đoàn Văn Lam: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tổ chức dạy học các chủ đề lịch sử Việt Nam (Lịch sử 10) theo mô hình lớp học đảo ngược 199



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

ISSN 2354-0753

Mục lục

Tập 25 (số đặc biệt 1) - 02/2025

Trần Lê Huyền - Trương Hùng Phương - Nguyễn Ngọc Hân - Phạm Quỳnh Trang - Nguyễn Bùi Hậu: Thiết kế bộ công cụ đánh giá năng lực dạy học STEM của sinh viên ngành Sư phạm Tin học **205**

Cao Trần Trí - Nguyễn Linh Phong: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh: Cơ hội và thách thức **212**

Lê Đức Sơn - Huỳnh Quốc Dũng - Nguyễn Thị Thanh Thủy: Sử dụng học liệu điện tử trong dạy học môn Giáo dục quốc phòng và An ninh ở trường trung học phổ thông **217**

Nguyễn Linh Phong - Lê Hoàng Phương - Nguyễn Thị Ngọc Diệp: Xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng giáo dục STEM trong môn Giáo dục quốc phòng và an ninh **222**

Nguyễn Thị Giang - Bùi Hương Lan: Sử dụng phương pháp sơ đồ hóa trong dạy học Triết học Mác - Lênin tại các trường cao đẳng, đại học ở Việt Nam hiện nay **229**

Phạm Thị Thanh Thảo - Nguyễn Thị Ngọc Bé: Thực trạng hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích ở một số trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh **235**

Phạm Thị Thuý Hằng - Nguyễn Lê Anh Thư: Thực trạng nội dung hoạt động chăm sóc sức khỏe học đường cho trẻ tại một số trường mầm non thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh **242**

Đàm Thị Kim Thu - Nguyễn Thị Thanh Huyền: Thực trạng bồi dưỡng kỹ năng giáo dục hòa nhập cho giáo viên mầm non khu vực miền núi phía Bắc **248**

Đào Thị Thuý Diễm - Phạm Bích Thủy: Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội cho học sinh tiểu học tại hệ thống trường Emasi, Thành phố Hồ Chí Minh **254**

Lê Tiến - Nguyễn Hồng Dương: Thực trạng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo định hướng giáo dục STEAM tại một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh **260**

Lê Thị Thùy Duyên - Phạm Bích Thủy: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học tại Hệ thống trường Emasi, Thành phố Hồ Chí Minh **266**

Nguyễn Thị Dung: Phát triển năng lực giáo dục kỹ năng sống cho giáo viên tiểu học: Nghiên cứu thực trạng tại thành phố Hà Nội **272**

Tô Thị Hoàng Lan: Sự hài lòng trong công việc và sự gắn kết nghề nghiệp của giáo viên tại một số trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh **277**

Trần Quang Hưng: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục ở một số trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tiếp cận giáo dục giá trị văn hoá **283**

Lương Minh Trí - Lê Thị Bích Tuyền: Thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang trong bối cảnh giáo dục hiện nay **291**

Phạm Thị Thuý Hằng - Đinh Tiến Dũng: Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học môn Khoa học tự nhiên cho đội ngũ giáo viên: Nghiên cứu tại các trường trung học cơ sở huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk **296**

Trần Thị Tuyết Mai: Thực trạng đam mê nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở: Nghiên cứu tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam **303**

Nguyễn Thị Thanh Huyền - Dương Thị Nga - Hà Thị Kim Linh - Đàm Thị Kim Thu: Xây dựng mạng lưới hỗ trợ giáo viên trung học cơ sở tham gia cộng đồng học tập: Nghiên cứu tại một số tỉnh miền núi phía Bắc **309**

Trần Gia Khánh: Áp dụng mô hình TQM vào quản lý thiết bị dạy học ở trường trung học phổ thông phục vụ đổi mới giáo dục thời kỳ hiện nay **316**

Lê Trần Minh Trung - Phan Ngọc Thạch: Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường phổ thông: Xu hướng, thực trạng và khuyến nghị **323**

Nguyễn Thị Tú - Lê Chân Đức - Nguyễn Nhật Duy: Mức độ chuyển đổi số trong dạy và học qua góc nhìn của học sinh: Nghiên cứu tại Trường Trung học Thực hành Đại học Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh **329**

Nguyễn Quang Minh: Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh ở một số trường trung học phổ thông thành phố Hà Nội **336**

Ngô Hiền Khải - Nguyễn Thị Ngọc Bé: Thực trạng quản lý hoạt động tư vấn học đường ở một số trường trung học phổ thông thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh **341**

Phan Tấn Hùng - Phan Ngọc Thạch: Thực trạng quản lý sự thay đổi trong hoạt động dạy học môn Địa lý theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh trung học phổ thông: Nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh **347**

Lê Quang Hùng - Phạm Hùng Mạnh - Nông Văn Ngoan - Trần Tấn Hải: Nghiên cứu giáo dục văn hóa truyền thống cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú: Phân tích khái niệm và kết quả khảo sát tại vùng Tây Nguyên **354**

Nguyễn Văn Tứ - Ngô Thị Phương Dung: Năng lực dạy học phân hóa của giáo viên phổ thông ngoài công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và đề xuất định hướng phát triển **361**

Phan Thị Hằng Hải: Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở tỉnh Vĩnh Phúc: Thực trạng và kiến nghị **370**

Nguyễn Hoàng Giang - Hoàng Thị Minh Anh - Nguyễn Lê Hằng - Nguyễn Hữu Khôi - Nguyễn Thu Hà: Phân tích hệ thống giáo dục đại học của Cộng hòa Pháp và một số khuyến nghị **377**

TÊN ẤN PHẨM	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC (từ năm 2021)		
	Ngành Giáo dục học	Ngành Tâm lý học	Liên ngành Triết học - Chính trị học - Xã hội học
Tạp chí Giáo dục (ISSN: 2354-0753) Xuất bản 2 số/tháng vào các ngày 5 và 20	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm
Vietnam Journal of Education (ISSN: 2588-1477) Xuất bản bằng tiếng Anh, 3 số thường niên (tháng 3, tháng 6, tháng 12) và các số đặc biệt (nếu có)	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm